

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2023.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trần Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Lập Điền, xã Tân Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Lập Điền, xã Tân Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 21 tháng 02 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày: bà và ông Trần Quốc Đ chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn

nhân. Hai bên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà xin ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

Về con chung: bà Đ và ông Đ có 02 con chung tên Trần Huỳnh Tú Ng, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Huỳnh Lan V, sinh ngày 01/9/2019, hiện đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn, bà Điền yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, bà Đ không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Huỳnh Thị Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông Trần Quốc Đ vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà Huỳnh Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc Đ, ông Đ hiện thường trú tại ấp Lập Điền, xã Tân Mỹ, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Quốc Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Đ và ông Trần Quốc Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ nên hôn nhân giữa bà Đ, ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà Đ cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà Đ, ông Đ đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà Điền, ông Đ cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với ông Trần Quốc Đ, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà Điền nhưng ông Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có

thiện chí để hàn gắn trong khi vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của anh chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Bà Đ trình bày bà và ông Đ chung sống có 02 con chung tên Trần Huỳnh Tú Ng, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Huỳnh Lan V, sinh ngày 01/9/2019, hiện đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, bà Đ không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu Trần Huỳnh Tú Ng, sinh ngày 29/6/2010 đã trên 07 tuổi và có bản tự khai ghi ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ trong trường hợp ba, mẹ ly hôn; đối với cháu Trần Huỳnh Lan V, sinh ngày 01/9/2019 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu V muốn sống với ai. Tuy nhiên, hiện tại cháu Nguyên và cháu V đang do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyên và cháu V, ông Đ không có ý kiến phản đối nên cần tiếp tục giao 02 cháu Trần Huỳnh Tú Ng và Trần Huỳnh Lan V cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của bà Đ, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần tiếp tục giao 02 cháu Trần Huỳnh Tú Ng và Trần Huỳnh Lan V cho bà Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị Đ không yêu cầu ông Trần Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con, ông Đ không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đạt không có văn bản phản hồi ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, ông Đạt có tranh chấp về tài sản chung, sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đ không có văn bản phản hồi ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, ông Đ có tranh chấp về nợ chung, sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[7]. Về án phí: bà Huỳnh Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Trần Quốc Đ về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Đ được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà Huỳnh Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Huỳnh Tú Ng, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Huỳnh Lan V, sinh ngày 01/9/2019, hiện đang sống chung với bà Đ, ông Trần Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: bà Đ trình bày không có tài sản chung, ông Đ không có văn bản phản hồi ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: bà Đ trình bày không có nợ chung, ông Đ không có văn bản phản hồi ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008054 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã Tân Mỹ;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Vụ